

CÔNG TÁC PHỤ NỮ THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

✎ BÙI THỊ BÍCH THUẬN*

Ngày nhận: 10/03/2022

Ngày phản biện: 29/04/2022

Ngày duyệt đăng: 18/05/2022

Tóm tắt: Trong suốt quá trình cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo công tác phụ nữ. Đồng thời, Nhà nước cũng đã ban hành nhiều chính sách, văn bản pháp luật nhằm tạo điều kiện để phụ nữ phát triển và thúc đẩy bình đẳng giới. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã có những định hướng quan trọng đối với công tác phụ nữ nhằm phát huy vai trò, khát vọng vươn lên và xây dựng người phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế; chăm lo, bảo vệ phụ nữ, hỗ trợ phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

Từ khóa: Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; phụ nữ Việt Nam; công tác phụ nữ.

ACTIVITIES FOR WOMEN IN THE SPIRIT RESOLUTION OF THE PARTY'S XIII CONGRESS

Abstract: During the revolutionary process, our Party always cared about leading activities for women. At the same time, the State has also issued many policies and legal documents to create conditions for women to develop and promote gender equality. The Resolution of the 13th Party Congress gave important orientations to activities for women in order to promote their roles and aspirations to rise and build up Vietnamese women in the new era; improve the quality of female human resources, meet the requirements of sustainable development and international integration; take care of and protect women, and support women in difficult circumstances, ethnic minorities and mountainous people.

Keywords: Documents of the 13th Party Congress; Vietnamese women; activities for women.

1. Nội dung công tác phụ nữ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

Ở bất cứ thời kỳ nào, phụ nữ Việt Nam cũng luôn mang trong mình khát vọng vươn lên mạnh mẽ, có những cống hiến, đóng góp to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc. Xuyên suốt quá trình cách mạng, từ năm 1930 đến nay, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo công tác phụ nữ. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã định hướng một số vấn đề cơ bản về công tác phụ nữ trong giai đoạn hiện nay. Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, công tác phụ nữ được thể hiện ở các nội dung sau:

1.1. Phát huy vai trò, khát vọng vươn lên và xây dựng người phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, phụ nữ Việt Nam đã có những cống hiến, đóng góp to lớn. Hồ Chí Minh từng khen ngợi: “Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ”¹. Sự đóng góp đó đã dẫn kết tinh nên những phẩm chất đạo đức truyền thống của phụ nữ Việt Nam: Yêu nước, anh hùng, đảm đang, nhân ái, nghĩa tình, thủy chung và giàu đức hy sinh. Nhằm tiếp tục tôn vinh, khẳng định vai trò, vị thế của người phụ nữ Việt Nam trong thời

kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từ năm 2010 đến nay, công tác phụ nữ tập trung hướng đến tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ theo 5 tiêu chí: Có lòng yêu nước; có sức khỏe; có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp; năng động, sáng tạo; có lối sống văn hóa và giàu lòng nhân hậu. Phẩm chất người phụ nữ Việt Nam thời đại mới được tổng quát hoá thành 4 chuẩn mực đạo đức: *Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang*. Đây cũng chính là những tiêu chí mới để phụ nữ phấn đấu, rèn luyện trong tất cả các lĩnh vực, ngành nghề. Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục phát huy các truyền thống trên và xác định “*Phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ, khát vọng vươn lên của các tầng lớp phụ nữ. Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới*”².

Phát huy cao độ truyền thống yêu nước và cách mạng của các thế hệ đi trước, dưới sự lãnh đạo của

* Trường Đại học Công đoàn

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 7, tr.340.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, tr.169.

Đảng, Nhà nước, các tầng lớp phụ nữ Việt Nam tiếp tục đóng góp xứng đáng vào thành tựu đổi mới và phát triển đất nước. Phụ nữ hiện nay ngày càng thể hiện rõ ý thức, trách nhiệm công dân, tự tin, chủ động tham gia các hoạt động xã hội, lan tỏa tinh thần nhân ái trong các hoạt động thiện nguyện, tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, đạt nhiều thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; đồng thời, làm tốt vai trò người vợ, người mẹ, người thầy đầu tiên của các con, là điểm tựa tinh thần vững chắc, gắn kết các thành viên trong gia đình, cùng chung tay chăm lo xây dựng gia đình hạnh phúc.

Có thể khẳng định, phụ nữ Việt Nam luôn có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống của dân tộc, chủ động, sáng tạo hưởng ứng các phong trào thi đua của đất nước và của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, chăm lo, vun đắp hạnh phúc gia đình, nỗ lực vươn lên trong cuộc sống. Họ càng ngày càng có vai trò, vị thế quan trọng, tham gia tích cực trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, ngay cả những lĩnh vực mà lâu nay vẫn được coi là lãnh địa của nam giới, như khoa học - kỹ thuật, thể thao thành tích cao, tham gia sứ mệnh gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc,...

Trong thời đại ngày nay, phụ nữ Việt Nam có nhiều cơ hội để hiện thực hóa khát vọng phát triển nhưng cũng đứng trước không ít khó khăn, thách thức, như vấn đề việc làm trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tác động của dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đến cuộc sống, sinh kế của người dân; xu hướng di cư lao động tiềm ẩn nhiều hệ lụy tiêu cực đối với cuộc sống hôn nhân, gia đình; tình hình tội phạm liên quan đến phụ nữ, trẻ em ngày càng phức tạp, đa dạng, tinh vi; những tác động tiêu cực của mạng xã hội gây khó khăn cho giáo dục và định hướng giáo dục nhân cách, nhất là đối với trẻ em... Nhưng phụ nữ Việt Nam vẫn luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, khát vọng vươn lên để phát triển, để khẳng định mình, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

1.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

Nguồn nhân lực được coi là nguồn vốn xã hội và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba khâu đột phá của Đảng ta. Với 50,2% số dân, 47,4% số lực lượng lao động xã hội (số liệu năm 2020)³, phụ nữ là nguồn nhân lực quan trọng, đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ là nội dung không thể thiếu trong thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, là nền tảng tiến tới bình đẳng giới, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; đồng

thời góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở Việt Nam.

Ngay từ Báo cáo chính trị Đại hội Đảng khóa V (1982), Đảng đã khẳng định việc đánh giá lực lượng và khả năng của phụ nữ trong việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ. Nghị quyết Trung ương số 04-NQ/TW ngày 12/7/1993 của Bộ chính trị đã khẳng định giải phóng và phát triển toàn diện phụ nữ là một trong các mục tiêu của cách mạng Việt Nam, có ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài tới sự phát triển của đất nước. Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 về công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước xác định: phấn đấu đến năm 2020, phụ nữ được nâng cao trình độ mọi mặt, có trình độ học vấn chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đại hội Đảng lần thứ XI, XII, đều khẳng định, phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó có nguồn nhân lực nữ là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh và bền vững đất nước. Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ, cần phải "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế"⁴.

Chất lượng nguồn nhân lực nữ được thể hiện ở cả ba mặt: trí lực, thể lực và phẩm chất đạo đức:

Về trí lực: Thực hiện nội dung "tích cực học tập", các tầng lớp phụ nữ đã chủ động, nỗ lực học tập nâng cao kiến thức, kỹ năng để áp dụng trong công việc và đời sống. Tỷ lệ biết chữ của nữ trong độ tuổi 15 - 60 đạt 97,33%; tỷ lệ nữ là người dân tộc thiểu số biết chữ trong độ tuổi 15 - 60 đạt 92,58%. Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 17,38%. Đội ngũ nữ trí thức ngày càng đông đảo, tỷ lệ nữ có học vị thạc sĩ và tiến sĩ ngày càng tăng; có 753 người được phong chức danh giáo sư, phó giáo sư. Phụ nữ làm chủ nhiệm 334 đề tài khoa học cấp quốc gia trong tổng số 1.361 đề tài, chiếm 24,5% (tăng 8,23% so với năm 2015)⁵. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có 1/5 số lao động nữ có việc làm đã qua đào tạo (tỷ lệ 20%). Lao động nữ có trình độ cao (từ cao đẳng, đại học trở lên) chỉ chiếm 10% tổng số lao động nữ của cả nước⁶.

³ Tổng cục Thống kê (2021), Niên giám thống kê năm 2020, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr.91 và 146.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập I, tr.169.

⁵ Báo cáo số 362/BC-CP, ngày 10/8/2020 của Chính phủ về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2019 và giai đoạn 2011 - 2020.

⁶ Hà Anh, Bình đẳng giới trong lao động và tiếp cận việc làm quản lý doanh nghiệp, <https://dangcongsan.vn/>, ngày đăng 29/11/2021.

Về thể lực: Được sự quan tâm, đầu tư của Đảng và Nhà nước, mức sống, sức khỏe của phụ nữ ngày càng được nâng cao, được chăm sóc y tế và tham gia nhiều các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao. Tuy nhiên, do trình độ phát triển kinh tế, xã hội nói chung của Việt Nam còn thấp, nên việc phát triển nguồn nhân lực nữ chưa được đáp ứng đầy đủ cả về vật chất và tinh thần, thể lực của nguồn nhân lực nữ nói chung còn hạn chế. Việc chăm sóc sức khỏe thể lực, sức khỏe sinh sản chưa đầy đủ nên chiều cao, cân nặng của nữ giới chưa cao.

Về phẩm chất đạo đức tinh thần: nguồn nhân lực nữ luôn kế thừa những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam, vừa có được những nét đẹp hiện đại như năng động, sáng tạo, tự tin, khéo léo... Điều đó tạo nên chất lượng nguồn nhân lực hiện nay khi họ tham gia vào quá trình phát triển kinh tế xã hội đất nước.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm: Phát triển thể chất, nâng cao thể lực cho nguồn nhân lực nữ thông qua việc nâng cao chất lượng dân số, tăng cường chất lượng dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe sinh sản và các chính sách hỗ trợ bà mẹ, trẻ em. Phát triển hệ thống giáo dục quốc dân các cấp, mở rộng cơ hội học tập suốt đời cho người dân, nâng cao chất lượng, quy mô, hiệu quả dạy nghề và tạo việc làm cho lao động nữ. Cải cách tiền lương hợp lý, đảm bảo tái tạo sức lao động và nâng cao mức sống của lao động nữ; đảm bảo vệ sinh an toàn lao động và các chế độ chính sách cho lao động nữ. Khuyến khích phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao, tạo môi trường làm việc thuận lợi với các điều kiện đặc thù của phụ nữ để phát huy được năng lực sở trường, hiệu quả làm việc của nguồn nhân lực nữ chất lượng cao. Tăng cường các chương trình giáo dục, tuyên truyền cung cấp kiến thức về kỹ năng sống, kiến thức giới, chăm sóc sức khỏe sinh sản... cho phụ nữ. Mặc dù vậy, chất lượng nguồn nhân lực nữ vẫn còn tồn tại một số hạn chế, do đó, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tiếp tục có những chỉ đạo, định hướng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ.

- Chăm lo, bảo vệ phụ nữ, hỗ trợ phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi

Ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: Nam nữ bình quyền là một trong những nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng Việt Nam, điều này được ghi nhận trong "Chánh cương vắn tắt của Đảng" năm 1930. Đảng đã đánh giá cao vị trí, vai trò của phụ nữ trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Trên cơ sở đó, công tác vận động phụ nữ ngày càng được nhận thức rõ hơn và đẩy mạnh hơn.

Thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng, hệ thống pháp luật Việt Nam luôn thể hiện sự quan tâm, bảo vệ cho quyền, lợi ích của người phụ nữ trong đời sống gia đình và xã hội. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: "Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới. Kiên quyết xử lý nghiêm theo pháp luật các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực, mua bán, xâm hại phụ nữ, trẻ em"⁷.

Quyền của phụ nữ Việt Nam ngày càng được phát triển qua các bản Hiến pháp, các quyền cơ bản đó bao gồm: (1) Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; (2) Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; (3) Có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; (4) Quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác; (5) Quyền có nơi ở hợp pháp; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; (6) Quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước; (7) Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; (8) Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình; (9) Quyền bầu cử và ứng cử; (10) Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; (11) Quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân (khi đủ mười tám tuổi trở lên); (12) Quyền khiếu nại, tố cáo; (13) Quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác; (14) Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ; quyền tự do kinh doanh; (15) Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; (16) Quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc; (17) Quyền kết hôn, ly hôn; (18) Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế, có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh; (19) Quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật.

Hiến pháp mới 2013 có những sửa đổi, bổ sung và phát triển thể hiện tầm quan trọng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó có cả quyền của phụ nữ. Theo đó, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập I, tr. 169.

hóa, xã hội; nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn, hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em. Đặc biệt, Điều 26 Hiến pháp nhấn mạnh: Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.

Quyền cơ bản của phụ nữ theo quy định của Hiến pháp được cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật như: Luật Bình đẳng giới, Bộ luật Dân sự, Luật Bảo hiểm xã hội, Bộ luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Cư trú, Bộ luật Hình sự, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Quốc tịch... Có thể nói, quyền của phụ nữ Việt Nam trong các bản Hiến pháp và các văn bản pháp luật đều thể hiện rõ 2 yếu tố căn bản đó là “bình đẳng và ưu tiên”. Có những quyền được pháp luật xây dựng bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam và nữ trước pháp luật nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử trong công việc, trong đời sống chính trị, kinh tế và trong đời sống gia đình. Còn quyền ưu tiên (trong việc tuyển dụng, sắp xếp công việc, nghỉ hưu...) có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ thể hiện khả năng của mình với việc đóng góp ngày càng nhiều cho gia đình, xã hội, đồng thời tránh rủi ro trong nghề nghiệp, trong cuộc sống gia đình và xã hội.

Trên cơ sở xác định phụ nữ là công dân có đặc thù riêng về giới tính và thiên chức người mẹ có ảnh hưởng lớn đến việc tham gia phát triển kinh tế - xã hội; mỗi nhiệm kỳ Đại hội Đảng đều định hướng các chương trình hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề; kiến thức về chăm sóc sức khỏe, nuôi dạy con, kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình hạnh phúc. Các định hướng đó được triển khai trong thực tiễn, trở thành các phong trào như: Chương trình “Tăng cường đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho phụ nữ”, “Hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc” giai đoạn 2007 - 2012; Chương trình “Dạy nghề, hỗ trợ tạo việc làm”, “Vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững” giai đoạn 2012 - 2017 và 2017 - 2022.

Đến Đại hội XIII, Đảng đặc biệt nhấn mạnh đến các chương trình phát triển, hỗ trợ cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi. Văn kiện Đại hội XIII xác định: “Tăng cường các chương trình phát triển, hỗ

trợ cập nhật tri thức, kỹ năng cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi”⁸. Chương trình hỗ trợ phụ nữ khó khăn, giúp chị em có điều kiện phát triển kinh tế, vươn lên ổn định, giảm nghèo bền vững với các mô hình “Trao sinh kế”; “Mái ấm tình thương” được nhân rộng, tạo sức lan tỏa trong xã hội với phương châm “Không để ai bị bỏ lại phía sau”. Cần tiếp tục đầu tư và củng cố cơ sở hạ tầng ở một số vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để giúp phụ nữ dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn với các dịch vụ giáo dục và y tế. Tiếp tục ưu tiên thực hiện một số chính sách đặc thù cho vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa đang phát huy hiệu quả cao như: Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025”; Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025”...

2. Một số giải pháp đẩy mạnh công tác phụ nữ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

Từ những định hướng cơ bản trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, để đẩy mạnh hơn nữa công tác phụ nữ, cần quan tâm đến những vấn đề sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục các tầng lớp phụ nữ thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy sức mạnh, thế mạnh của phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực; đồng thời, chăm lo bảo vệ phẩm giá, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ.

Hai là, để xây dựng người phụ nữ hiện đại trước hết cần phát huy truyền thống, tiềm năng, thế mạnh và tinh thần làm chủ của các tầng lớp phụ nữ. Chú trọng rèn luyện các phẩm chất đạo đức “Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang”, giúp người phụ nữ nắm bắt cơ hội, tận dụng những yếu tố tích cực, tránh những tác động tiêu cực của thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, vượt qua những thách thức khó khăn, trở thành người phụ nữ thành công trong cuộc sống và sự nghiệp. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để xây dựng người phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng.

(Xem tiếp trang 17)

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr. 169.

để cao trách nhiệm cá nhân và chế độ thông tin, báo cáo của lãnh đạo các cấp của Công đoàn ngành, từng bước đơn giản hóa, giảm thiểu các thủ tục hành chính.

Tập trung các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính cho hoạt động, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ trong công tác tài chính công đoàn theo hướng chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả. Triển khai quyết liệt các giải pháp để thu đúng, thu đủ và thu kịp thời kinh phí, đoàn phí công đoàn. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tài chính, tài sản công đoàn. Chấn chỉnh và xử lý nghiêm các vi phạm trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; tích cực đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực ở các cấp thuộc Công đoàn ngành. Để phát huy nguồn lực tài chính, phục vụ nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết của tổ chức công đoàn, nhất là nhiệm vụ chăm lo, đại diện bảo vệ quyền lợi NLĐ, phát triển đoàn viên và thành lập CĐCS.

4. Kết luận

Thực hiện tốt những giải pháp cơ bản đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động của Công đoàn ngành trên, nội dung hoạt động của Công đoàn ngành sẽ thiết thực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm

và bản chất của Công đoàn ngành; phương pháp hoạt động của Công đoàn ngành sẽ đa dạng, phong phú, và hấp dẫn; chất lượng, hiệu quả hoạt động của Công đoàn ngành sẽ ngày càng được nâng lên, các Công đoàn sẽ ngày càng hấp dẫn và thiết thực đối với người lao động, với phát triển kinh tế, xã hội. □

Tài liệu tham khảo

1. *Nghị quyết 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới.*
2. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, năm 2013.
3. *Giáo trình lý luận và nghiệp vụ Công đoàn* tập 1-2-3, NXB Lao động, Hà Nội, 2015.
4. *Đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động công đoàn trong tình hình hiện nay*, NXB Lao động, Hà Nội, 2009.
5. *Kỹ năng tổ chức hoạt động của cán bộ Công đoàn*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2017.
6. Viện Công nhân và Công đoàn (2015), *Đề tài cấp Tổng Liên đoàn "Đổi mới mô hình tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động công đoàn hướng về đoàn viên và người lao động thời gian tới"*.
7. *Sự tăng trưởng kinh tế và công đoàn ngành nghề tại Trung Quốc* (2014). ELI D. FRIEDMAN, Đại học Cornell.
8. *Công đoàn trong tình thế quyết định* (bản quyền của ILO, 2019). GS. Jelle Visser, Đại học Amsterdam.

CÔNG TÁC PHỤ NỮ...

(Xem tiếp trang 25)

Ba là, phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể, đặc biệt Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, đa dạng hóa nội dung hoạt động nhằm đáp ứng một cách thiết thực, hiệu quả nhu cầu của các tầng lớp phụ nữ; hướng mạnh hoạt động về cơ sở, khu dân cư; cải tiến công tác chỉ đạo, điều hành; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của từng thời kỳ, tập trung chỉ đạo quyết liệt, tạo hiệu quả rõ rệt, tránh hình thức, phô trương, hành chính hóa trong hoạt động, lấy hạnh phúc và lợi ích của phụ nữ làm mục tiêu; lấy sự hài lòng của phụ nữ làm thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động.

* * *

Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới. Kế thừa truyền thống yêu nước và cách mạng của các thế hệ đi trước, dưới sự lãnh đạo

của Đảng, sự quan tâm, tạo điều kiện của Chính phủ, chính quyền các cấp, sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, ngành, đoàn thể và toàn xã hội, các tầng lớp phụ nữ Việt Nam hiện nay tiếp tục phát triển, có những đóng góp xứng đáng vào thành tựu đổi mới và phát triển đất nước. □

Tài liệu tham khảo

1. Hà Anh (2021), *Bình đẳng giới trong lao động và tiếp cận việc làm quản lý doanh nghiệp*, <https://dangcongsan.vn/>, ngày đăng 29/11/2021.
2. Báo cáo số 362/BC-CP, ngày 10/8/2020 của Chính phủ về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2019 và giai đoạn 2011 - 2020.
3. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 04-NQ/TW về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới*, ngày 12/7/1993.
4. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 11-NQ/TW về công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, ngày 27/4/2007.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 43 (năm 1982), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Lưu Song Hà (2015), *Nguồn nhân lực nữ thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
9. Tổng cục Thống kê (2021), *Niên giám thống kê năm 2020*, Nxb Thống kê, Hà Nội.